

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-4-2018
V/v tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Nguyễn Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc: “Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; cư trú tại thôn C, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q; cư trú tại xóm X, thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, vắng mặt tại phần tranh tụng, tuyên án (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm X, thôn H, xã H, huyện A. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy

ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà trái lại ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2017, vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thùy T – sinh ngày 27 tháng 4 năm 2007 và Nguyễn Huy H– sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị Thùy T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Huy H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại các Bản tự khai, trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị Nguyễn Thị L đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn H, xã H. Trong thời gian chung sống hai bên hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì có xô sát dẫn đến việc chị L bỏ đi nơi khác. Nguyên nhân là do bất đồng về việc nuôi dạy con, dẫn đến va chạm cãi chửi nhau. Nay chị Nguyễn Thị L có đơn xin ly hôn, anh có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, đề nghị Tòa án cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung như chị Nguyễn Thị L đã trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q; về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Thị Thùy T – sinh ngày 27 tháng 4 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Huy H– sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011 cho anh Q nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn:

[1] Anh Nguyễn Văn Q có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Q tại phiên tranh tụng, tuyên án.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Căn cứ lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Phong, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2006. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau; hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung:

[3] Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q có hai con chung là Nguyễn Thị Thùy T – sinh ngày 27 tháng 4 năm 2007 và Nguyễn Huy H – sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011. Ly hôn, chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị Thùy T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Huy H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn Q đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh nuôi dưỡng. Xét thấy việc nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; điều kiện nuôi con của các bên là ngang nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, giao con chung Nguyễn Thị Thùy T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Huy H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

[4] Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản:

[5] Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[6] Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Thùy T – sinh ngày 27 tháng 4 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Huy H– sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Nguyễn Thị L đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0007430 ngày 11 tháng 12 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt khi tuyên án, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã H;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch